TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-03-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Ông Nguyễn Trường Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 07-02-2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-02-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-02-2023, nguyên đơn bà Trần Thị Kim A trình bày bà và ông Phan Văn K kết hôn ngày 03-03-2016 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống có nhiều quan điểm bất đồng, dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K. Về con chung có ba cháu tên Phan Văn B (sinh năm 2005 - chết năm 2014), Phan Văn H (sinh ngày 26-9-2007) và Phan Văn C (sinh ngày 26-9-2015); hiện cháu H và cháu C đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục

trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-02-2023, bà Trần Thị Kim A trình bày hiện hai con chung do ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng và không đồng ý giao lại cho bà. Nếu ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu C thì bà cũng đồng ý và bà sẽ thực hiện cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-03-2023, bà Trần Thị Kim A trình bày hiện hai con chung ông K đã giao lại cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Bị đơn ông Phan Văn K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà A xác định vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện xin ly hôn với ông K, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con; ông K vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành các quy định, vắng mặt không có lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân cho bà A được ly hôn với ông K; về con chung tên Phan Văn H và Phan Văn C giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông K không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Phan Văn K cư trú Ấp T, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[2] Về hôn nhân: Bà A và ông K kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03-03-2016 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà A trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Qua xác minh địa phương Uỷ ban nhân dân xã G không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa bà A và ông K (bút lục số 54). Phòng Văn hoá thông tin huyện X ý kiến thời gian chung sống giữa bà A và ông K không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình (bút lục số 57). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng bà A vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông K nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét bà A yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà A trình bày hai con chung tên Phan Văn H (sinh ngày 26-9-2007) và Phan Văn C (sinh ngày 26-9-2015) hiện đang sống cùng bà, nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đi các con đã thành niên và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Qua Uỷ ban nhân dân xã G cung cấp thông tin ông K và bà A đi làm ăn xa, khi đi mang theo 02 con chung (bút lục số 54). Cháu H và cháu C có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà A (bút lục số 49 và 51). Xét thấy, hiện cháu H và cháu C do bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà A. Vì vậy, cần tiếp tục giao hai cháu cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của hai cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của bà A, ông K, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông K không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A với bị đơn ông Phan Văn K về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim A được ly hôn với ông Phan Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Phan Văn H (sinh ngày 26-9-2007) và cháu Phan Văn C (sinh ngày 26-9-2015) cho bà Trần Thị Kim A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đã thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Kim A về việc không yêu cầu ông Phan Văn K cấp dưỡng cho con. Ông Phan Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Kim A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Phan Văn K không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002844 ngày 06-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã G (H.MX);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhẫn